

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HÀNH VI TUÂN THỦ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN - THUẾ

HOÀNG HẢI YẾN

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment

Ngày nhận bài: 5/6/2026

Ngày sửa bài: 22/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 6/7/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích cơ sở lý thuyết và làm rõ cơ chế tác động của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trong bối cảnh cải cách chính sách kế toán - thuế tại Việt Nam giai đoạn 2025-2030. Bài viết sử dụng phương pháp định tính theo hướng tổng hợp lý thuyết, nghiên cứu tích hợp 4 lý thuyết nền tảng, gồm: Lý thuyết cấp quản trị cấp cao; Lý thuyết các bên liên quan; Lý thuyết tính chính danh và Lý thuyết thể chế để xác định 3 cơ chế tác động chính, đó là: đạo đức quản lý, duy trì tính chính danh và đáp ứng áp lực thể chế. Kết quả cho thấy, CSR có khả năng tác động tích cực và bền vững đến tuân thủ thuế khi đồng hành cùng quá trình số hóa và chuẩn hóa thông tin tài chính. Nghiên cứu đề xuất khung phân tích tích hợp và một số hàm ý chính sách cho cơ quan quản lý và cộng đồng SMEs.

Từ khóa: trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuân thủ thuế, cải cách kế toán - thuế, phát triển bền vững.

Corporate social responsibility and tax compliance behavior of small and medium-sized enterprises in Vietnam amid accounting and tax policy reforms

Abstract:

This study examines the theoretical foundations and mechanisms through which corporate social responsibility influences the tax compliance behavior of small and medium-sized enterprises in Vietnam amid accounting and tax policy reforms during 2025 - 2030. Using a qualitative synthesis, the study integrates Upper Echelons Theory, Stakeholder Theory, Legitimacy Theory, and Institutional Theory. It identifies three principal mechanisms: managerial ethics, legitimacy maintenance, and responses to institutional pressures. The findings suggest that corporate social responsibility can positively and sustainably promote tax compliance when accompanied by digitalization and the standardization of financial information. The study proposes an integrated analytical framework and policy implications for regulatory authorities and the SME community to strengthen voluntary compliance, corporate accountability, and sustainable development.

Keywords: corporate social responsibility, small and medium-sized enterprises, tax compliance, accounting and tax reform, sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Giai đoạn 2025-2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tiến trình cải cách hệ thống kế toán và thuế tại Việt Nam. Bên cạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 theo Quyết định số 508/QĐ-TTg¹, hệ thống kế toán bước vào giai đoạn đổi mới với Thông tư số 99/2025/TT-BTC² thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC, cùng lộ trình tiệm cận chuẩn mực kế toán quốc tế và đẩy mạnh số hóa. Những cải cách này không chỉ nâng cao chất lượng thông tin tài chính mà còn tái định hình chuẩn mực hành vi doanh nghiệp: tuân thủ thuế ngày càng gắn liền với giá trị quản trị, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội.

Theo Tổng cục Thống kê (2024), SMEs chiếm khoảng 98% tổng số doanh nghiệp, đóng góp gần 45% GDP và 30% thu ngân sách. Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn lực và năng lực quản trị, nhiều SMEs vẫn xem thuế là "chi phí mất đi" thay vì trách nhiệm xã hội. Việc thực hành CSR của SMEs hiện chủ yếu bị thúc đẩy bởi áp lực cưỡng chế từ luật pháp hoặc áp lực sinh tồn, chưa xuất phát từ nhận thức tự nguyện, khiến hành vi tuân thủ thuế của nhóm này trở thành chủ đề ngày càng được quan tâm.

Các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra mối liên hệ tích cực giữa CSR và tuân thủ thuế, song phần lớn tập trung vào doanh nghiệp lớn ở bối cảnh thể chế phát triển. Tại Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào xem xét hệ thống vai trò của CSR trong việc hình thành hành vi tuân thủ thuế của SMEs trong bối cảnh cải cách đồng thời cả chính sách kế toán và thuế. Nghiên cứu này hướng đến: phân tích mối quan hệ giữa CSR và tuân thủ thuế của SMEs; giải thích cơ chế tác động; và xem xét ảnh hưởng của cải cách chính sách kế toán - thuế trong mối quan hệ đó.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu dựa trên 4 lý thuyết nền tảng, tạo thành khung phân tích đa chiều từ vi mô đến vĩ mô.

Lý thuyết cấp quản trị cấp cao - Upper Echelons Theory (Hambrick & Mason, 1984) lập luận rằng, quyết định chiến lược của tổ chức phản ánh trực tiếp đặc điểm nhận thức và hệ giá trị của đội ngũ quản lý cấp cao. Tại SMEs Việt Nam, nơi quyền lực ra quyết định tập trung vào chủ doanh nghiệp, lý thuyết này giải thích sự phân hóa trong hành vi tuân thủ thuế: liệu CSR được thực hiện như nghĩa vụ đạo đức tự nguyện hay chỉ là công cụ bù đắp danh tiếng phụ thuộc vào hệ giá trị của người lãnh đạo.

Lý thuyết các bên liên quan - Stakeholder Theory (Freeman, 1984) mở rộng trách nhiệm doanh nghiệp sang tất cả các bên liên quan, bao gồm chính phủ, khách hàng và cộng đồng. Trong bối cảnh cải cách thuế, cơ quan quản lý nhà nước nổi lên như bên liên quan có quyền lực pháp lý cao nhất. Hành vi tuân thủ thuế do đó không còn là nghĩa vụ pháp lý đơn thuần mà là cách SMEs thỏa mãn kỳ vọng của cộng đồng và nhà nước, một cấu phần trọng yếu của CSR.

Lý thuyết tính chính danh - Legitimacy Theory (Suchman, 1995; Deegan, 2009) cho rằng, doanh nghiệp tồn tại trong một "khế ước xã hội" ngầm, buộc phải hành xử phù hợp với chuẩn mực và kỳ vọng của cộng đồng. CSR là công cụ duy trì tính hợp pháp, trong đó việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế là biểu hiện quan trọng nhất của tính hợp pháp. Doanh nghiệp có mức độ CSR cao có xu hướng tuân thủ thuế cao hơn nhằm duy trì sự chấp nhận xã hội và hạn chế rủi ro danh tiếng.

Lý thuyết thể chế - Institutional Theory (DiMaggio & Powell, 1983) nhấn mạnh, hành vi doanh nghiệp chịu tác động từ 3 dạng áp lực thể chế: cưỡng chế, chuẩn mực và mô phỏng. Cải cách chính sách kế toán - thuế tại Việt Nam đã gia tăng đáng kể áp lực cưỡng chế qua hoàn thiện khung pháp lý và ứng dụng công nghệ quản lý thuế. CSR trong bối cảnh này vận hành như phản ứng thích ứng của doanh nghiệp, trong đó tuân thủ thuế là kết quả của quá trình đồng hình hóa thể chế.

2.2. Tổng quan nghiên cứu

2.2.1. Nghiên cứu quốc tế

Mối quan hệ giữa CSR và tuân thủ thuế đã được nghiên cứu tích cực từ đầu thập niên 2010. Watson (2011) chỉ ra, doanh nghiệp Anh có xếp hạng CSR thấp thường tránh thuế nhiều hơn. Lanis & Richardson (2012) khẳng định, doanh nghiệp Úc có mức độ công bố CSR cao thì xu hướng tránh thuế thấp hơn, hàm ý tính chính danh xã hội là nhân tố điều tiết quan trọng. Hoi et al. (2013) cung cấp bằng chứng từ Hoa Kỳ cho thấy doanh nghiệp có hoạt động CSR "thiếu trách nhiệm" có xu hướng tránh thuế nhiều hơn một cách có hệ thống. Ling & Liu (2023) chứng minh các công ty tích cực đóng góp từ thiện ít có xu hướng tránh thuế cực đoan.

Ở chiều ngược lại, Sikka (2010) cảnh báo về "CSR nguy trang", nhiều tập đoàn sử dụng CSR như công cụ truyền thông nhưng vẫn thực hiện hành vi tránh thuế tinh vi. Christensen & Murphy (2004) lập luận tuân thủ thuế là nội dung không thể tách rời của CSR, là cách đóng góp minh bạch nhất vào nguồn lực phát triển cộng đồng. Tại các nước đang phát triển, Mkadmi & Ali (2024) tái khẳng định tại Tunisia: tham gia CSR làm giảm hành vi tránh thuế và đề xuất cơ quan thuế có thể tận dụng các hoạt động CSR để khuyến khích DN thực hiện nghĩa vụ.

Hạn chế chung là phần lớn nghiên cứu tập trung vào doanh nghiệp lớn và dữ liệu từ thị trường chứng khoán, tạo ra khoảng trống lý thuyết lẫn thực nghiệm khi áp dụng vào SMEs ở môi trường thể chế kém minh bạch hơn.

2.2.2. Nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, nghiên cứu về tuân thủ thuế chủ yếu theo hướng định lượng và tập trung vào yếu tố tài chính, hành chính. Nguyễn Thị Lê Thúy (2009) chỉ ra xác suất bị thanh tra và mức xử phạt là 2 yếu tố cường chế mạnh nhất. Nguyễn Thị Loan & nnk (2019) hệ thống hóa hành vi không tuân thủ thuế TNDN thành 3 nhóm nguyên nhân: hạn chế từ cơ quan thuế, bất cập trong chính sách và hạn chế từ doanh nghiệp.

Về CSR, Trần Quang Tuyền và Vũ Văn Hưởng (2022) chỉ ra CSR tác động tích cực đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp nhưng có sự phân hóa theo quy mô và ngành nghề. Nghiên cứu của Nguyen Vinh Khuong et al. (2026) trên 210 công ty niêm yết giai đoạn 2014-2022 xác định các công ty có CSR mạnh có tỷ lệ tránh thuế thấp hơn, là bằng chứng thực nghiệm trong nước kết nối trực tiếp CSR với hành vi thuế, phạm vi giới hạn ở công ty niêm yết.

Có 3 khoảng trống nghiên cứu được xác định: thiếu nghiên cứu trực tiếp trên SMEs; chưa làm rõ cơ chế tác động phi tài chính; và thiếu phương pháp tiếp cận định tính chuyên sâu về vai trò của CSR đối với tuân thủ thuế trong giai đoạn cải cách kép hiện nay.

2.3. Tổng hợp và định hướng khung phân tích

Nghiên cứu rút ra 3 luận điểm nền tảng:

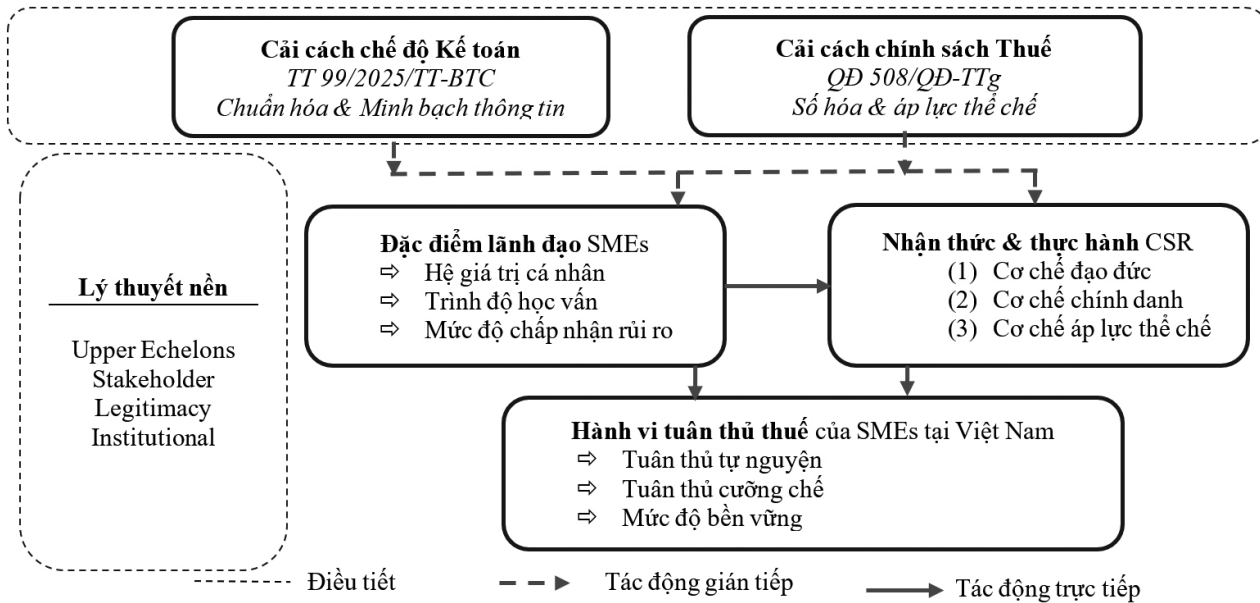
Một là, CSR và tuân thủ thuế gắn kết hữu cơ qua ba cơ chế: đạo đức (doanh nghiệp CSR cao coi tuân thủ thuế là nghĩa vụ đạo đức), chính danh (tuân thủ thuế để duy trì "hợp đồng xã hội"), và áp lực thể chế (pháp luật, chuẩn mực xã hội buộc đồng nhất CSR với tuân thủ pháp luật).

Hai là, với SMEs Việt Nam có quyền lực quản trị tập trung, giá trị cá nhân, học vấn, tư duy đạo đức và mức chấp nhận rủi ro của lãnh đạo là nhân tố vi mô quyết định hành vi tuân thủ thuế - chiều tác động chưa được các nghiên cứu định lượng làm rõ, cần khai thác bằng phương pháp định tính.

Ba là, cải cách chính sách kế toán - thuế vừa siết chặt cường chế số hóa, thu hẹp không gian tránh thuế, vừa (nếu thực thi minh bạch, hiệu quả) củng cố niềm tin doanh nghiệp vào hệ thống hành chính công, thúc đẩy tuân thủ tự nguyện.

Trên cơ sở 3 luận điểm này, nghiên cứu đề xuất khung phân tích (Hình 1)

Hình 1. Khung phân tích lý thuyết



Nguồn: tác giả đề xuất

Khung phân tích này tích hợp 4 lý thuyết nền tảng và phản ánh sâu sắc tác động của bối cảnh chuyển đổi thể chế tại Việt Nam. Với áp lực cải cách từ trên xuống của Nhà nước và nhận thức chuyển dịch từ dưới lên của DN sẽ cùng tương tác, đồng kiến tạo nên hành vi tuân thủ thuế cuối cùng của các SMEs.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính theo hướng tổng hợp lý thuyết và lập luận diễn giải, phù hợp với mục tiêu xây dựng khung phân tích thay vì kiểm định giả thuyết thực nghiệm. Nghiên cứu tiến hành theo 3 bước: hệ thống hóa cơ sở lý thuyết từ bốn lý thuyết nền tảng; tổng quan có chọn lọc các nghiên cứu quốc tế và trong nước giai đoạn 2010-2025; phân tích các văn bản chính sách hiện hành bao gồm Thông tư số 99/2025/TT-BTC và Quyết định số 508/QĐ-TTg nhằm đặt khung lý thuyết vào bối cảnh thể chế cụ thể. Tính nghiêm túc học thuật được đảm bảo qua đa dạng hóa nguồn tài liệu từ Scopus, Web of Science, Google Scholar và các tạp chí uy tín trong nước.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Cơ chế tác động của CSR đến hành vi tuân thủ thuế của SMEs

Cơ chế đạo đức: Tại SMEs Việt Nam, cơ chế đạo đức có tiềm năng tác động sâu nhất nhưng cũng khó hình thành nhất. Nhiều lãnh đạo SMEs vẫn gắn CSR với từ thiện thuần túy, chưa đặt trong tương quan với trách nhiệm pháp lý hay đạo đức kinh doanh. Theo UET, sự chuyển dịch nhận thức từ "thuế là chi phí cần tối thiểu hóa" sang "nghĩa vụ đạo đức cần thực hiện trọn vẹn" đòi hỏi thay đổi căn bản trong hệ giá trị của người lãnh đạo, điều không thể đến từ áp lực pháp lý đơn thuần mà cần qua giáo dục và tiếp xúc với chuẩn mực kinh doanh quốc tế.

Cơ chế tính chính danh: áp lực ngày càng hiện hữu trong môi trường số hóa. Khi hệ thống hóa đơn điện tử được triển khai toàn diện và cơ sở dữ liệu thuế được tập trung hóa, chi phí che giấu thông tin tài chính và duy trì hành vi tránh thuế tinh vi đã tăng lên đáng kể. Trong bối cảnh đó, những SMEs đã đầu tư vào uy tín và hình ảnh CSR sẽ có động cơ mạnh hơn để duy trì tính nhất quán giữa cam kết công khai và hành vi tài chính thực tế trong đó có tuân thủ thuế đầy đủ.

Cơ chế áp lực thể chế: áp lực cưỡng chế đang đóng vai trò chủ đạo trong giai đoạn hiện tại. Điều này phản ánh đặc thù nền kinh tế chuyển đổi nơi các thiết chế thể chế vẫn đang được kiện toàn. Tuy nhiên, luận điểm quan trọng là áp lực thể chế và CSR không thay thế nhau mà có thể vận hành theo cơ chế tích hợp: áp lực thể chế tạo điều kiện bắt buộc, còn CSR bổ sung động lực tự nguyện. Khi cả hai hội tụ, tuân thủ thuế mới thực sự bền vững.

4.2. Vai trò điều tiết của cải cách chính sách kế toán - thuế

Nghiên cứu lập luận cải cách kế toán - thuế tại Việt Nam đóng vai trò biến điều tiết, vừa tác động trực tiếp đến tuân thủ, vừa làm thay đổi bản chất các cơ chế tác động khác. Thông tư số 99/2025/TT-BTC đưa kế toán tiệm cận thông lệ quốc tế, tạo "ngôn ngữ tài chính chung" minh bạch hơn giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế, thu hẹp khoảng cách kế toán - kê khai thuế.

Tuy nhiên, trong ngắn hạn, gánh nặng tuân thủ kỹ thuật cao có thể khiến SMEs thiếu nguồn lực và rơi vào tình trạng "không tuân thủ vì thiếu năng lực" chứ không phải "né tránh có chủ ý". Nếu không phân biệt được hai nhóm này, cải cách có thể vô tình làm gia tăng tình trạng không tuân thủ ở nhóm SMEs yếu năng lực.

4.3. Khung phân tích lý thuyết tích hợp và hàm ý nghiên cứu

Tổng hợp phân tích, nghiên cứu đề xuất: trong bối cảnh hiện tại mỗi quan hệ CSR - tuân thủ thuế vận hành phi tuyến tính, qua tương tác 3 tầng lực lượng - vi mô (giá trị lãnh đạo), trung gian (nhận thức/thực hành CSR tổ chức) và vĩ mô (chất lượng thể chế, cải cách chính sách).

Khung phân tích đề xuất kết nối đặc điểm lãnh đạo SMEs, nhận thức/thực hành CSR và hành vi tuân thủ thuế, dưới tác động điều tiết của cải cách thể chế, phản ánh sự tương tác giữa áp lực cải cách từ trên xuống và chuyển dịch nhận thức từ dưới lên của doanh nghiệp.

Một số hàm ý lý thuyết: mô hình CSR phân tầng truyền thống cần tái diễn giải khi áp dụng cho SMEs ở nền kinh tế đang phát triển, nơi các tầng trách nhiệm đan xen thay vì tuyến tính; tích hợp UET mở hướng nghiên cứu mới, coi đặc điểm cá nhân lãnh đạo là biến dự báo quan trọng cho tuân thủ thuế; hiệu quả cải cách phụ thuộc vào việc SMEs có nhìn nhận đó là cơ hội xây dựng tính chính danh, thay vì chỉ là gánh nặng tuân thủ.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích cơ sở lý thuyết và làm rõ 3 cơ chế tác động của CSR đến hành vi tuân thủ thuế của SMEs: cơ chế đạo đức và trách nhiệm quản lý, cơ chế duy trì tính chính danh, và cơ chế đáp ứng áp lực thể chế. Kết quả cho thấy, quá trình cải cách chính sách kế toán - thuế tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức trong việc thúc đẩy tuân thủ thuế tự nguyện của SMEs. Khung phân tích tích hợp được đề xuất cung cấp công cụ lý thuyết có thể kiểm định và mở rộng trong các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.

5.2. Hàm ý chính sách

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế nên tích hợp tiêu chí tuân thủ thuế vào các chương trình công nhận và khen thưởng doanh nghiệp thực hành CSR, tạo tín hiệu thể chế rõ ràng rằng tuân thủ thuế là thành phần không thể tách rời của CSR. Đồng thời, cần triển khai đồng bộ các chương trình hỗ trợ SMEs chuyển đổi theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC với hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ phần mềm.

Đối với cộng đồng SMEs: Cần tiếp cận các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về CSR, trong đó tuân thủ thuế được định vị là đầu tư vào tính chính danh và uy tín dài hạn của DN. Các hiệp hội như VCCI có thể đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng bộ tiêu chí CSR có tích hợp tiêu chí tuân thủ thuế phù hợp với đặc thù SMEs Việt Nam ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

² Bộ Tài chính. (2025). Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 về chế độ kế toán doanh nghiệp (thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nguyễn Thị Lê Thúy. (2009). Hoàn thiện quản lý thu thuế của Nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Việt Hồng Anh và Lê Thị Tuyết Hoa. (2019). Thực trạng không tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp - Nghiên cứu tại TP. Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, 210, 69-82.

Tổng cục Thống kê. (2024). Niên giám thống kê năm 2023. Nhà xuất bản Thống kê.

Trần Quang Tuyền và Vũ Văn Hưởng. (2022). Vai trò của CSR đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam: Bằng chứng mới từ hồi quy phân vị mảng. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 298, 40-52.

Christensen, J., & Murphy, R. (2004). The social irresponsibility of corporate tax avoidance. *Development*, 47(3), 37-44.

Deegan, C. (2009). *Financial Accounting Theory* (3rd ed.). McGraw-Hill Education.

DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. *American Sociological Review*, 48(2), 147-160.

Dowling, G. R. (2014). The curious case of corporate tax avoidance: Is it ethical? *Journal of Business Ethics*, 124(1), 173-184.

Freeman, R. E. (1984). *Strategic Management: A Stakeholder Approach*. Pitman Publishing.

Hambrick, D. C., & Mason, P. A. (1984). Upper echelons: The organization as a reflection of its top managers. *Academy of Management Review*, 9(2), 193-206.

Hoi, C. K., Wu, Q., & Zhang, H. (2013). Is corporate social responsibility (CSR) associated with tax avoidance? Evidence from irresponsible CSR activities. *The Accounting Review*, 88(6), 2025-2059.

Lanis, R., & Richardson, G. (2012). Corporate social responsibility and tax aggressiveness: An empirical analysis. *Journal of Accounting and Public Policy*, 31(1), 86-108.

Ling, J., & Liu, L. (2023). Corporate giving and the case of tax avoidance. *Advances in Accounting*, 61, 100644.

Mkadmi, J. E., & Ben Ali, W. (2024). How does tax avoidance affect corporate social responsibility and financial ratio in emerging economies? *Journal of Economic Criminology*, 5, 100070.

Nguyen Vinh Khuong, Nguyen Ngoc Hong Phuc, Nguyen Huynh Nhu Phuong, Nguyen Vo Nhat Kieu, Hoang Thi Trinh, & Nguyen Thi Diem Thy. (2026). Corporate social responsibility and cash effective tax rate: Evidence from listed companies in Vietnam. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán*, 222, 58-69. <https://doi.org/10.65771/ati-jas.04202609>

Sikka, P. (2010). Smoke and mirrors: Corporate social responsibility and tax avoidance. *Accounting Forum*, 34(3-4), 153-168.

Suchman, M. C. (1995). Managing legitimacy: Strategic and institutional approaches. *Academy of Management Review*, 20(3), 571-610.

Watson, L. (2011). Corporate social responsibility and tax planning: Not by rules alone. *Social & Legal Studies*, 21(2), 119-138.